TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29 /2020/DS-PT.
Ngày 28/01/2021.
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Duy Phương;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng và bà Đinh Thị Tuyết.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thúy Hằng - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk;

- ***Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk:*** Bà Trần Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 24/11/2020 tại TAND tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 264/2020/TLPT-DS ngày 26/10/2020 về việc:*"Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"* do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS - ST ngày 23/9/2020 của TAND huyện K bị bị đơn - bà T Thị Hvà người có quyền lợi nghia vụ liên quan - ông Ng V Ckháng cáo.

- Nguyên đơn: Ông L K T và bà H B, cùng trú tại: số nhà 78, buôn Pal, xã E Y, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk: Đều vắng mặt tại phiên toà;

Đại diện ủy quyền: Ông Trần Trọng H, địa chỉ: TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: Có mặt tại phiên toà;

- Bị đơn: Bà T Thị H- trú tại TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: Có mặt tại phiên toà;

Đại diện ủy quyền bị đơn: Ông Đặng Anh T, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: Có mặt tại phiên toà;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Hồ Ngọc H thuộc Văn phòng luật sư Hồ Ngọc H - Đoàn luật sư Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Ng V C- cùng trú địa chỉ với bị đơn;

+ Ông L Ng Tvà bà Ng Thị H, địa chỉ: , huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ngân hàng Thương mại X, tỉnh Đắk Lắk.

- Người làm chứng:

+ Bà Lưu Thị M, địa chỉ: TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

+ Bà Ngô Thị T, địa chỉ :TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng đều vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đại diện ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/5/2014 nguyên đơn ký hợp đồng có công chứng tại Văn phòng công chứng Đại An chuyển nhượng cho bị đơn hai thửa đất: Thửa 60C và thửa 256 tọa lạc tại xã E Y, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk với giá thỏa thuận thực tế 800.000.000 đồng nhưng ghi trong hợp đồng là 200.000.000 đồng. Sau khi sang tên trên Giấy CNQSDĐ cho bị đơn, thì nguyên đơn thông báo và yêu cầu bị đơn giao 800.000.000 đồng nhưng bị đơn không chịu giao đủ. Vì bị đơn không giao tiền nên nguyên đơn đã chuyển nhượng 02 thửa đất nói trên cho ông Lê Ng T. Sau khi được cấp Giấy chứng nhân quyền sử dụng đất, ông L Ng Tđã thế chấp 02 thửa đất này cho ngân hàng để vay tiền.

Vì cá lý do trên, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu huỷ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/5/2014 nói trên

2. Bị đơn và đại diện ủy quyền trình bày:

Vào ngày 19/5/2014 bị đơn có cho bà H B vay số tiền 300.000.000 đồng và thế chấp hai Giấy CNQSDĐ nêu trên. Đến ngày 27/5/2014 ông L K T và bà H B đã thống nhất thỏa thuận chuyển nhượng cho bị đơn hai thửa đất nói trên với giá là 800.000.000 đồng. Tại Văn phòng công chứng Đại An ở thành phố Buôn Ma Thuột các bên đã làm hợp đồng chuyển nhượng với giá chuyển nhượng thực tế là 800.000.000 đồng nhưng để giảm bớt thuế nên đã thống nhất ghi trong hợp đồng là 200.000.000 đồng. Tại đây bị đơn đã giao cho ông L K T và bà H B số tiền 500.000.000 đồng, cộng với số tiền 300.000.000 đồng đã đưa trước vào ngày 19/5/2014 và ông L K T và bà H B đã trả lại giấy vay tiền ngày 19/5/2014 cho bị đơn. Như vậy tổng cộng số tiền bị đơn đã trả cho ông L K T và bà H’Bich Niê là 800.000.000 đồng và ông L K T và bà H B đã nhận đủ số tiền của bị đơn giao.

Sau khi nhận đủ tiền nên ngày 06/6/2014 bà H B đã làm thủ tục sang tên trong Giấy CNQSDĐ cho bị đơn và được UBND huyện Krông Pắc chỉnh lý sang tên cho bị đơn là T Thị Htheo hồ sơ số 24508002036/CNVP. Bản gốc hai Giấy CNQSDĐ nói trên đã được chỉnh lý sang tên cho bị đơn là T Thị Hvà bà H B đã giao Giấy CNQSDĐ nói trên cho bị đơn. Sau đó bà H B nói cho bà mượn lại hai Giấy CNQSDĐ đứng tên bị đơn để liên hệ với ngân hàng vay vốn giúp thì bị đơn đồng ý đưa cho bà H B mượn hai Giấy CNQSDĐ nói trên và chỉ giữ lại bản photocopy.

Vì các lý do trên, bị đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán và được cấp có thẩm quyền điều chỉnh sang tên trong Giấy CNQSDĐ mang tên T Thị Hvào ngày 06/6/2014 nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Nguyễn Văn Ch: Thống nhất như lời trình bày của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tuyến, bà H B, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Ông Lê Ngọc T: Ông L K T là em trai của tôi và bà H B là em dâu. Ngày 12/9/2016, tôi và vợ chồng bà H' Bích Niê ông L K T có xác lập đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất: Thửa đất số 60c, tờ bản đồ số 29, diện tích 5.954m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 665821 và thửa đất số 256, tờ bản đồ số 33, diện tích 1.610 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 665820, địa chỉ các thửa đất tọa lạc tại xã E Y, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 12/8/2016 cho bà H' Bích Niê ông L K T và hợp đồng chuyển nhượng đã được công chứng tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Đắk Lắk theo số 4982, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGĐ. Khi chuyển nhượng các diện tích đất trên các bên đã thỏa thuận giá chuyển nhượng thực tế là 700.000.000 đồng trong đó số tiền đặt cọc trước là 195.000. 000 đồng và số tiền chuyển khoản là 500.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng bà H'Bích ông Tuyến bớt cho tôi, nhưng thực tế trong hợp đồng chuyển chượng để giảm bớt tiền thuế nên chúng tôi chỉ ghi trong hợp đồng chuyển nhượng với giá là 100.000.000 đồng. Khi mua hai bên thoả thuận vợ chồng bà H'Bích làm xong Giấy CNQSDĐ đứng tên tôi thì tôi trả hết số tiền còn lại.

Ngày 14/9/2016, UBND huyện Krông Pắc xác nhận chuyển nhượng cho ông Lê Ngọc Tuấn. Ngày 20/10/2016 ông L Ng Tđược Sở tài nguvên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 425515, thửa đất số 256, tờ bản đồ số 33 và giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CE 425516, thửa đất số 60c, tờ bản đồ số 29.

Sau khi tôi được cấp Giấy CNQSDĐđối với hai thửa đất trên thì tôi mang hai Giấy CNQSDĐ đứng tên tôi để thế chấp vay của Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Buôn Ma Thuột - Phòng giao dịch chợ Buôn Ma Thuột để vay số tiền là 500.000.000 đồng và ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng và thế chấp QSDĐ theo đúng quy định của pháp luật.

Nay vợ chồng ông L K T và bà H' Bích Niê khởi kiện yêu cầu Tòa án huỷn hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ đối với 02 thửa đất mà các bên đã ký vào ngày 27/5/2014 với lý do là bà T Thị Hkhông thực hiện nghĩa vụ giao tiền cho ông Tuyến bà H'Bích. Liên quan đến nguồn gốc đất mà tôi nhận chuyển nhượng thì tôi không có ý kiến gì, riêng việc tôi nhận chuyển nhượng hai thửa đất nói trên liên quan đến nguồn gốc đất mà bà H'Bích, ông Tuyến đang tranh chấp là tôi nhận chuyển nhượng theo đúng quy định của pháp luật tại thời điểm chúng tôi nhận chuyển nhượng thì giấy chứng nhận đứng tên bà H'Bích, ông Tuyến và chúng tôi đã ký hợp đồng chuyển nhượng được công chứng hợp pháp. Hiện nay tôi đã được Sở tài nguyên môi trường cấp Giấy CNQSDĐ đứng tên tôi và tôi đã thế chấp hợp pháp cho Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Buôn Ma Thuột - Phòng giao dịch chợ Buôn Ma Thuật vay vốn. Do vậy việc chuyển nhượng hay vay vốn ngân hàng thì tôi đều thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng tôi thực hiện đúng, không vi phạm hợp đồng nên tôi đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho tôi.

- Bà Ng Thị H: Thống nhất như lời trình bày của chồng tôi là ông L Ng Tvề thời điểm xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Tuấn và vợ chồng ông Tuyến và Bà H'Bích và thế chấp cho Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Buôn Ma Thuột - Phòng giao dịch chợ Buôn Ma Thuật vay vốn đối với hai thửa đất nêu trên.

- Ông Nguyễn Văn V: Vào ngày 27/10/2016 vợ chồng ông L Ng Tvà bà Ng Thị H có ký hợp đồng với số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay trên thì ông Tuấn và bà Hoài có ký hợp đồng thế chấp số để thế chấp tài sản bao gồm hai diện tích đất. Ông Tuấn hiện nay vẫn trả gốc và lãi theo đúng như thỏa thuận giữa hai bên, không hề vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký. Do vậy, Ngân hàng đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho ông L Ng Ttiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng và ngân hàng cũng không có yêu cầu độc lập hay yêu cầu khác.

4. Người làm chứng trình bày:

- Bà Lưu Thị M: Ngày 19/5/2014, chị Hiên có điện thoại cho tôi và nói: *"Có người vay tiền của chị, em chạy giúp chị 300.000.000 đồng để chị cầm sổ đỏ"*. Đến đầu giờ chiều cùng ngày thì tôi đem 300.000.000 đồng sang chị Hiên. Tôi thấy một người con gái ngồi tại bàn nhà chị Hiên, chị Hiên giới thiệu đây là chị H'Bích ở Krông Pắc vay tiền và cầm sổ đỏ cho chị. Bà H' Bích nhận tiền từ tôi và đếm tiền, sau đó chị Hiên viết giấy vay tiền cho tôi. Việc bà Hiên có cấn trừ số tiền 300.000.000 đồng vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Tuyến, bà H' Bích với bà Hiên tôi hay không thì tôi không biết nội dung sự việc.

- Bà Ngô Thị T: Vào ngày cuối tháng 5 năm 2014 cô Hiên có vay của tôi 370.000.000 đồng để mua nhà H' Bích Niê thời hạn vay 30 ngày lãi suất 2.000.000 đồng/01triệu/01 ngày. Đến gần cuối tháng 6/2014 tôi đến nhà bà Hiên để đòi tiền vay thì bà Hiên có gọi điện thoại cho bà H'Bích và có bật loa ngoài cho tôi nghe thì tôi nghe nội dung là "*hiện nay con chỉ gom được 600.000.000 đồng để mai con gom đủ rồi con mang lên luôn"* tôi giật điện thoại thì đầu máy bên kia cúp máy không nói chuyện và đến cuối 8/2014 bà Hiên cho toi xem 02 giấy CNQSDĐ photocopy mang tên bà Hiên, ông Chung. Việc bà Hiên đã trả tiền cho bà H' Bích hay chưa thì tôi không trực tiếp chứng kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DSST ngày 23/09/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định: Căn cứ các Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 121; 122; 123; 124; 689; 690; 691; 692 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 133, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông L K T và bà H' B N. Tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/5/2014 giữa vợ chồng ông L K T, bà H' Bích Niê với bà T Thị Htại Văn phòng Công chứng Đại An số 38 Ngô Quyền, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk số 4235 quyển số 05 CC- SCC/HĐGD. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 06/10/2020, bị đơn - bà T Thị Hvà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông Ng V Ckháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét các nội dung kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, bản án giám đốc thẩm của Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Đại diện uỷ quyền nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện và những lời đã trình bày, lời đã khai ở cấp sơ thẩm, không trình bày, khai gì thêm và không cung cấp tài liệu, chứng cứ, tình tiết nào mới, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm.

- Bị đơn, đại diện uỷ quyền của bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày giữ nguyên nội dung kháng cáo, lời trình bày, lời khai ở cấp sơ thẩm và không cung cấp tài liệu, chứng cứ, tình tiết nào mới, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các nội dung nhận định trong Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, bản án Giám đốc thẩm của Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về việc giao kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/5/2014:

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác nhận tự nguyên ký kết, công chứng Hợp đồng chuyển nhượng đất này với giá chuyển nhượng 02 thửa đất thực tế là 800.000.000 đồng nhưng ghi trong hợp đồng 200.000.000 đồng. Như vậy việc thoả thuận giao kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất này là có thật và phù hợp với quy định của pháp luật.

2.Về việc thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/5/2014:

Sau khi giao kết hợp đồng xong, quyền sử dụng đất đã được sang tên cho bị đơn, tuy nhiên đến nghĩa vụ thanh toán tiền thì phát sinh tranh chấp. Nguyên đơn cho rằng bị đơn chưa thanh toán số tiền 800.000.000 đồng theo thoả thuận nên yêu cầu huỷ bỏ hợp đồng này. Bị đơn cho rằng đã thanh toán đủ số tiền này cho nguyên đơn (300.000.000 đồng khấu trừ khoản vay ngày 19/5/2014 và 500.000.000 đồng giao tiền mặt ngày 27/5/2014 ngay tại Văn phòng công chứng Đại An)

Quyết định giám đốc thẩm số 41/2018/DS-GĐT ngày 06/6/2018 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng yêu cầu cho đối chất giữa nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng để làm rõ có việc bị đơn đã thanh toán đủ số tiền nói trên hay chưa?

Quá trình giải quyết lại tại cấp sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn và người làm chứng tiếp tục chỉ có lời khai và lời trình bày về việc có thanh toán đủ số tiền 800.000.000 đồng nói trên, không xuất trình thêm bất cứ chứng cứ, tài liệu có giá trị pháp lý nào khác. Trong khi đó tại các bản khai, các buổi hoà giải, các phiên đối chất và tại phiên toà sơ thẩm và phúc thẩm, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn khai, trình bày và phủ nhận toàn bộ các lời khai của bị đơn và người làm chứng (bà Lưu Thị Mỹ và bà Ngô Thị Tú), khẳng định không có việc vay mượn tiền và thanh toán tiền tại Văn phòng công chứng Đại An. Đồng thời đại diện uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn, người làm chứng xuất trình tài liệu, chứng cứ có giá trị pháp lý chứng minh cho lời khai, lời trình bày của mình là có cho vay tiền ngày 19/5/2014, có giao tiền ngày 27/5/2014 là sự thật, có cơ sở pháp lý để chấp nhận nhưng bị đơn, người làm chứng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào.

Căn cứ nghĩa vụ thanh toán tiền do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật quy định khoản 3 Điều 2 Hợp đồng nói trên, đồng thời căn cứ nghĩa vụ chứng minh khi đưa ra các chứng cứ của các đương sự tham gia tố tụng quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Nguyên đơn cho rằng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ chưa thanh toán số tiền 800.000.000 đồng theo thoả thuận là có cơ sở và căn cứ pháp lý, cần chấp nhận ý kiến này của nguyên đơn.

3. Về việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông L Ng Tvà nhận thế chấp quyền sử dụng đất của Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank Chi nhánh Buôn Ma Thuột - Phòng giao dịch Chợ Buôn Ma Thuột):

Ông L Ng Tnhận chuyển nhượng 02 thửa đất nói trên theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/9/2016 sau đó ngày 27/10/2016 thế chấp để vay tiền của Eximbank Chi nhánh Buôn Ma Thuột - Phòng giao dịch Chợ Buôn Ma Thuột. Các giao dịch này đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Ông L Ng Tvà đại diện uỷ quyền của ngân hàng cũng đã có lời khai, lời trình bày, xuất trình các tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu Toà án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy đây là những giao dịch dân sự của người thứ ba ngay tình, theo quy định tại Điều 133 Bộ luật dân sự năm 2015 cần được pháp luật bảo vệ.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ Điều 425 Bộ luật Dân sự năm 2005 về huỷ bỏ hợp đồng dân sự, nhận thấy cấp sơ thẩm chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu huỷ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/5/2014 vì bị đơn chưa thanh toán tiền theo thoả thuận là có cơ sở và căn cứ pháp lý. Do vậy không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà T Thị Hvà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ng V C– cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà T Thị Hsinh năm 1956, ông Ng V Csinh năm 1945 - đều là người cao tuổi: Theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 28, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: bà Tạ Thị Hiên, ông Ng V Cđược miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

Không chấp nhận Đơn kháng cáo của bị đơn - bà T Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn V Ch; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 21/2020/DSST ngày 23/09/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 28, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội: Bà T Thị H và ông Ng V Cđược miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối Cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Duy Phương